

Số: 18 /BC-NSQT

Quảng Trị, ngày 10 tháng 01 năm 2024

**BÁO CÁO  
TỔNG KẾT CÔNG TÁC SXKD NĂM 2023 VÀ  
MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH NĂM 2024**

**PHẦN I  
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu người lao động ngày 07/01/2023, Công ty đã tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế được chỉ ra trong báo cáo tổng kết năm 2022. Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ SXKD để tổ chức thực hiện đó là: Tăng cường chống thất thoát nước; Tập trung nguồn lực đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, phát triển khách hàng, tăng doanh thu và phát huy hiệu quả việc đầu tư nâng công suất các nhà máy; Nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ. Trong đó có những thuận lợi, khó khăn cơ bản sau:

**a) Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, ngành, sự lãnh đạo sâu sát, kịp thời của cấp ủy Đảng, HĐQT, sự chỉ đạo, điều hành của Ban Giám đốc, sự đoàn kết thống nhất của tập thể cán bộ công nhân viên và người lao động. Huy động các nguồn vốn để đầu tư xây dựng cải tạo, nâng công suất cấp nước để tăng cường cấp nước an toàn cho người dân trên toàn tỉnh.

- Điều kiện SXKD ổn định và có chiều hướng phát triển bền vững.

- Số lượng khách hàng phát triển ổn định, có niềm tin vào chất lượng dịch vụ của công ty.

- Khoa học-kỹ thuật, công nghệ thông tin được triển khai áp dụng trong công tác quản lý, quản trị sản xuất mang lại hiệu quả thiết thực.

**b) Khó khăn:**

- Năm 2023, tình hình kinh tế nói chung vẫn tiếp tục khó khăn do sự bất ổn khó lường trên thế giới ảnh hưởng đến trong nước, những tác động lâu dài của dịch bệnh Covid đang tác động trực tiếp đến việc phục hồi phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.



- Ngoài 02 nhà máy mới được đầu tư nâng công suất trong năm 2023, các nhà máy còn lại xây dựng đã lâu, công nghệ lạc hậu, chưa có điều kiện đầu tư nâng cấp đồng bộ, một số nhà máy đã vượt công suất thiết kế. Mạng đường ống được đầu tư xây dựng qua nhiều giai đoạn với nhiều loại vật liệu khác nhau ảnh hưởng đến việc cấp nước an toàn. Hiện tượng rò rỉ, thất thoát nước còn ở mức cao.

- Thời tiết ít ngày nắng hạn so với trung bình nhiều năm dẫn đến sản lượng tiêu thụ tuy có tăng trưởng so với cùng kỳ nhưng chưa đáp ứng như kỳ vọng. Biến đổi khí hậu tác động đến nguồn nước của các nhà máy, nguy cơ lũ lụt về mùa mưa, cạn kiệt nguồn nước về mùa hạn ngày càng bất thường, khó dự báo (Nhà máy nước Khe Sanh khai thác nguồn nước suối Xaranh, nhà máy nước Lao Bảo khai thác nước sông Sepon, nhà máy nước Hồ Xá khai thác nguồn Mội Voi.)

- Mạng lưới đường ống còn khá nhiều tuyến ống thép, nhựa PVC sử dụng nhiều năm đến nay xuống cấp chưa cải tạo, thay thế dứt điểm nên có lúc còn dễ xảy ra hiện tượng nước đục chưa xử lý kịp thời, tiềm ẩn rủi ro hư hỏng, thất thoát nước.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH.

### 1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ (%) thực hiện so với	
					KH 2023	Cùng kỳ
1	Tổng giá trị thực hiện:	Tỷ đồng	175,6	162,4	92,5	110,4
	+ Giá trị nước máy	Tỷ đồng	135,6	131,6	97,1	108,1
	+XDCB&LĐCN khác	Tỷ đồng	40,0	30,8	76,9	121,5
2	Sản lượng nước sản xuất	Triệu m <sup>3</sup>	19,7	20,9	106,3	108,8
3	Sản lượng nước ghi thu	Triệu m <sup>3</sup>	16,1	15,7	97,4	107,5
4	Tỷ lệ thất thoát	%	18,0	24,1	+6,1	+0,3
5	Đơn giá nước bình quân	đồng/m <sup>3</sup>	8.409	8.377	-31	+51
6	Thay thế đồng hồ đến hạn	cái	14.872	15.310	102,9	120,7
7	Số khách hàng phát triển mới	Hộ	2.544	1.995	78,4	87,7
8	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,6	16,1	18,4	
9	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	19,0	20,5	107,9	

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

### 2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023.

#### 2.1. Đánh giá chung:



- Về các chỉ tiêu SXKD: Công tác sản xuất nước cơ bản đảm bảo cấp nước an toàn, đáp ứng nhu cầu sử dụng cho gần 72.000 hộ khách hàng. Các chỉ tiêu SXKD chính mặc dù không đạt so với kế hoạch năm tuy nhiên vẫn có sự tăng trưởng cao so với cùng kỳ.

Tổng giá trị thực hiện toàn công ty đạt 162,4 tỷ đồng bằng 92,5% so với kế hoạch, tăng 10,4% so với năm 2022.

- Về chấp hành các quy định Nhà nước: Đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực hoạt động. Nộp ngân sách Nhà nước 20,5 tỷ đồng tăng 7,9% so với kế hoạch giao.

- Người lao động có việc làm ổn định, thu nhập bình quân trong toàn công ty đạt 10,5 triệu đồng /người/ tháng; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.

Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2023.

## *2.2. Công tác sản xuất, cung cấp nước sạch:*

Công tác sản xuất, cung cấp nước sạch đảm bảo an toàn, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng trên địa bàn toàn tỉnh nhất là trong các dịp lễ, Tết... Đặc biệt, trong thời gian nâng cấp, cải tạo Nhà máy nước Tân Lương vừa thi công cải tạo, vừa đảm bảo cấp nước liên tục cho khách hàng. Công tác đầu tư nâng cấp cải tạo Nhà máy nước thị xã Quảng Trị nhanh chóng kịp thời, phục vụ tốt nhu cầu tăng cao của người dân trong mùa hạn. Trong năm 2023 không xảy ra sự cố lớn nào về sản xuất cũng như lưu thông phân phối làm gián đoạn cấp nước.

Theo đó sản lượng nước ghi thu đạt 15,7 triệu m<sup>3</sup> bằng 97,4% so với KH năm và tăng 7,5% so với cùng kỳ. Đơn giá tiền nước bình quân đạt: 8.377 đồng/m<sup>3</sup> tăng 51 đồng/m<sup>3</sup> so với cùng kỳ.

Năm 2023 công ty ghi nhận doanh thu tiền nước đạt 131,6 tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ.

Việc thực hiện đầu tư công trình trọng điểm như: Nâng cấp Nhà máy nước Tân Lương, NMN TX Quảng Trị góp phần nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ cấp nước, giải quyết tình trạng thiếu nước sinh hoạt tại TP Đông Hà, TX Quảng Trị và vùng ven đã xảy ra trong nhiều năm qua vào mùa hạn. Một số vùng thiếu nước cử tri có nhiều phản ánh như KP5, Lập Thạch phường Đông Lễ, khu vực Nguyễn Văn Tường thành phố Đông Hà; Khu vực Triệu Thành, Gia Trám huyện Triệu Phong đã được khắc phục cấp nước ổn định.

Sản lượng nước hàng hóa và doanh thu đều có mức tăng trưởng 7,5-8,1% so với cùng kỳ. Tuy nhiên đơn giá nước bình quân chưa đạt như kỳ vọng. Nguyên nhân:



+ Hoạt động của các sản xuất, xây dựng, kinh doanh dịch vụ ...trên địa bàn đã dần phục hồi sau đại dịch tuy nhiên tốc độ phục hồi chậm do ảnh hưởng chung của nền kinh tế đã tác động làm giảm mức tiêu thụ nước của nhóm khách hàng sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

+ Công ty đã có chủ trương mở rộng vùng cấp nước để phát huy công suất các nhà máy. Tuy nhiên suất đầu tư lớn trong khi nguồn lực tài chính công ty có hạn. Do đó độ bao phủ và số hộ khách hàng mới phát triển chậm.

+ Một số khu vực ở Đông Hà vẫn còn trình trạng chất lượng nước chưa đạt yêu cầu trong một số thời điểm. Do đường ống thép đã sử dụng trên 10 năm nay xuống cấp. Công ty đang tích làm việc với các đơn vị liên quan để khắc phục dứt điểm trong năm 2024.

+ Hoàn thành việc lắp đặt trạm bơm giữa dòng cấp nước cho khu vực Triệu Thuận - Triệu Độ, tuy nhiên lượng dùng nước khu vực Triệu Thuận, Triệu Độ vẫn chưa tăng như kỳ vọng.

+ Tại nhà máy nước Hải Lăng đã khai thác hết công suất nên có một số thời điểm không đủ nguồn nước để cung cấp cho khách hàng, tình trạng mất nước cục bộ vẫn xảy ra ở các vùng xa như khu vực Phương Lang, Hải Ba.

- Nhằm tăng lượng nước cấp cho khu vực Cửa Việt, công ty đã đầu tư cải tạo đường ống công nghệ Trạm bơm tăng áp Sông, tăng 8,4% nguồn nước bổ sung cho Trạm bơm Gio Mai; chỉ đạo thực hiện chế độ tăng cường bơm tăng áp đồng thời 03 máy bơm tại trạm bơm Sông. Tuy nhiên theo phản ánh của khách hàng tình trạng thiếu nước tại thị trấn Cửa Việt, thôn 4 xã Gio Hải, nhất là khu vực dịch vụ tại bãi tắm Cửa Việt vẫn còn xảy ra.

- Việc phát triển khách hàng khu vực Cam Hiếu, Cam Thủy không đạt số hộ như đã đăng ký (283/522 khách hàng đăng ký), sản lượng tiêu thụ thấp.

### *2.3. Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản:*

#### *2.3.1. Đầu tư cải tạo mạng lưới, đường ống công nghệ Trạm bơm:*

- Năm 2023, công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị đã tổ chức thực hiện các công trình XD CB, LDCN đạt 30,8 tỷ đồng bằng 76,9% so với giao khoán. Trong đó:

+ Giá trị quyết toán XD CB bằng vốn nội bộ, bên ngoài: 19,8 tỷ đồng;

+ Giá trị quyết toán sửa chữa lớn, LDCN: 7,9 tỷ đồng;

+ Giá trị kiểm định đồng hồ đến hạn, đồng hồ mới: 3,06 tỷ đồng.

\* Nguyên nhân:



- Do các công trình XDCHB có vốn đầu tư bên ngoài lớn được giao khoán vào thời điểm cuối năm, tiến độ thi công phụ thuộc vào tiến độ giải phóng mặt bằng như: (i) Khu tái định cư phục vụ dự án thành phần đoạn Vạn Ninh - Cam Lộ thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 qua huyện Cam Lộ giá trị giao khoán 2 tỷ đồng. (ii) Xây lắp hệ thống cấp nước và thiết bị dự án Cụm công nghiệp Quốc lộ 9D giá trị giao khoán 8,8 tỷ đồng. hiện nay mới chỉ quyết toán giai đoạn. (iii) Dự án cấp nước liên xã Hải Hưng, Hải Quy ký hợp đồng thi công 8,5 tỷ đồng nhưng công trình chưa bố trí vốn thi công và bàn giao mặt bằng.

- Năm 2023 HĐQT công ty phê duyệt đầu tư cải tạo mạng lưới đường ống, thiết bị máy móc, phân vùng tách mạng với tổng giá trị: 12,4 tỷ đồng. Trong đó, riêng công tác đầu tư cải tạo hệ thống mạng đường ống, thiết bị trạm trại quyết toán giá trị: 6,69 tỷ đồng bằng 72% so với giao khoán. Khối lượng dở dang 2,6 tỷ không thực hiện chủ yếu do các nguyên nhân khách quan, cụ thể:

+ Một số công trình thi công vướng mặt bằng và ảnh hưởng tiến độ của các dự án hạ tầng giao thông liên quan nên chưa thể hoàn thành trong năm theo kế hoạch đề ra.

- Đánh giá về kết quả thực hiện XDCHB, LĐCN đã giao có đủ điều kiện nguồn vốn, mặt bằng đều hoàn thành vượt tiến độ đã đề ra. Riêng XN Xây Lắp đã hoàn thành 100% khối lượng theo tiến độ và mặt bằng Công ty giao với giá trị thực hiện 14,4 tỷ đồng.

#### *2.3.2. Công tác đầu tư có quy mô tập trung:*

Để kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng cao của người dân và chính quyền địa phương, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh, trong thời gian qua Công ty đã chủ động đầu tư xây dựng mạng lưới cấp nước, cải tạo, nâng công suất các nhà máy, khu xử lý nước sạch gồm:

- Khánh thành và đưa vào sử dụng Dự án cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tân Lương công suất từ 15.000m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 28.500m<sup>3</sup>/ngày đêm, bổ sung cấp nước an toàn cho thành phố Đông Hà và vùng ven với giá trị đầu tư 69,852 tỷ đồng. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào vận hành Dự án Cải tạo, nâng cấp nhà máy nước thị xã Quảng Trị từ 3.500m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 7.500m<sup>3</sup>/ngày đêm với tổng mức đầu tư: 3,3 tỷ đồng đảm bảo cấp nước cho khu vực TX Quảng Trị và vùng ven.

#### *2.3.3. Công trình cải tạo sửa chữa củng cố cơ sở vật chất:*



- Đầu tư xây dựng nhà làm việc 1 tầng và cải tạo trụ sở văn phòng công ty đảm bảo đồng bộ, khang trang và xây dựng môi trường làm việc tốt cho cán bộ, nhân viên công ty với tổng mức đầu tư 5,37 tỷ đồng.

- Đầu tư cải tạo công nghệ Trạm bơm tăng áp Sông, sửa chữa máy móc thiết bị tại các Xí nghiệp giá trị 582 triệu đồng để đảm bảo sản xuất và nâng cao chất lượng nước.

#### *2.4. Công tác chống thất thoát, thất thu nước:*

- Trong năm 2023, Công ty đã tăng cường kiểm soát các điểm xì vỡ, rò rỉ nước và đã phát hiện, sửa chữa 2.320 điểm chảy, trong đó có 107 điểm sự cố lớn ( $D > 100$ ); Truy thu tiền nước 35 khách hàng vi phạm Hợp đồng dịch vụ cấp nước với số tiền 359 triệu đồng. Thay thế 15.310 đồng hồ đến hạn kiểm định đạt 102,9% so với kế hoạch năm; đầu tư cải tạo các tuyến ống cũ xuống cấp với giá trị 6,7 tỷ đồng.

- Tuy nhiên, tỷ lệ thất thoát nước bình quân toàn công ty còn ở mức cao 24,1% và tăng 0,3% so với cùng kỳ. Tất cả các đơn vị đều không hoàn thành kế hoạch giảm tỷ lệ thất thoát và có xu hướng tăng lên. Nội cộm nhất là XN nước sạch Bến Hải (tăng 15,2% so với kế hoạch, tăng 5% so với cùng kỳ)

\* Nguyên nhân chính:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Hệ thống đồng hồ điện từ sau thời gian nhiều năm hoạt động đã có những thiết bị phát sinh lỗi khó xác định nguyên nhân, do đặc thù thời tiết khu vực Quảng Trị nên quá trình bảo quản thiết bị gặp khó khăn. Điển hình như: Đồng hồ D400 Trạm vé, đồng hồ D400 Gio Linh, đồng hồ D150 Hải Lăng, đồng hồ D300 Khe Sanh... bị sự cố, hoạt động không ổn định nên việc xác định khối lượng nước cấp vào mạng chưa chính xác.

+ Các loại vật tư ống, phụ kiện lắp đặt lâu năm có dấu hiệu nứt, hỏng và bong tróc các mối nối... Nhiều điểm ống thép qua đường, qua cầu cống lâu ngày bị mục nát gây xì vỡ, công tác thi công khắc phục đào vĩa hè, đường giao thông đang bị vướng các công trình hạ tầng kỹ thuật khác nên việc thi công bị ảnh hưởng.

+ Mạng lưới đường ống bằng vật liệu thép, PVC, gang xám sử dụng lâu năm đã xuống cấp đang còn nhiều, kể cả ống truyền tải đi trong nhà dân, chưa được thay thế triệt để.

+ Nguồn vốn đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước cũ, đầu tư ứng dụng công nghệ mới còn thiếu.

+ Một số khu vực công ty tiếp nhận quản lý, sử dụng, đến nay xuống cấp chưa thay thế được nên có lúc còn để xảy ra hiện tượng nước đục chưa xử lý kịp thời, tiềm ẩn nguy cơ hư hỏng, thất thoát nước.

- Nguyên nhân chủ quan:



+ Các đơn vị chưa thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Có nơi còn bao biện, yếu kém đó là Xí nghiệp nước sạch Bến Hải.

+ Công tác dò tìm thất thoát tại các đơn vị triển khai thiếu chủ động, dãn trải, chưa tập trung vào các DMA.

+ Công tác lập hồ sơ và phê duyệt dự toán phân vùng tách mạng, kiểm soát thất thoát năm 2023 chậm trễ. Ảnh hưởng đến mục tiêu giảm thất thoát nước.

+ Mục tiêu đầu tư cải tạo, thay thế các tuyến ống xuống cấp (6,7 tỷ đồng) nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nhưng tiến độ còn chậm, hiệu quả do công tác đầu tư mang lại chưa phù hợp với mục tiêu.

+ Việc sơ đồ hóa mạng lưới đường ống thực hiện chưa hoàn thành nên việc phân vùng tách mạng, quản lý tài sản còn rời rạc, thiếu tính khoa học.

+ Vai trò tham mưu, giám sát thực hiện, đánh giá kết quả chống thất thoát chưa tốt. Còn thiếu biện pháp thúc đẩy cũng như chế tài xử lý nên việc chống thất thoát còn nhiều hạn chế và chậm khắc phục.

## *2.5. Hao phí hóa chất, điện năng:*

### *2.4.1. Điện năng tiêu thụ:*

Tiêu hao điện năng bình quân toàn công ty  $0,369\text{Kw/m}^3$  giảm  $0,03\text{ Kw/m}^3$  so với định mức khoán. XNNS Đông Hà tiêu hao điện năng giảm so với định mức ( $0,08\text{ KW/m}^3$ ). Nguyên nhân: Do khai thác tối đa công suất NMN Tân Lương nên dùng bơm Tăng áp Sông cho Đông Hà nhờ đó tiết kiệm nhiều chi phí điện năng. Riêng tiêu hao điện năng tại Xí nghiệp nước sạch Đường 9 ( $0,48\text{ Kw/m}^3$ ) hiện vẫn còn ở mức cao so với mặt bằng chung toàn công ty.

Yêu cầu các phòng chức năng phối hợp với các đơn vị rà soát đánh giá xác định rõ nguyên nhân (do thiết bị/phương pháp vận hành) về tiêu hao điện năng của máy móc, thiết bị theo thời điểm và tuổi thọ. Đề xuất giải pháp tối ưu để giảm tiêu hao điện năng.

### *2.4.2. Hao phí hóa chất:*

Duy trì ổn định sản xuất tại các nhà máy và trạm cấp nước. Mức tiêu thụ hóa chất tại các đơn vị nhìn chung phụ thuộc vào chất lượng nước nguồn và thấp hơn định mức khoán.

## *2.6. Đơn giá nước bình quân:*

Đơn giá nước bình quân toàn công ty  $8.377\text{ đồng/m}^3$  thấp hơn kế hoạch 31  $\text{đồng/m}^3$ , tuy nhiên so với cùng kỳ tăng  $51\text{ đồng/m}^3$ . Điểm sáng là XN nước sạch Đường 9 tăng  $9\text{ đồng/m}^3$  so với kế hoạch năm và tăng  $65\text{ đồng/m}^3$  so với cùng kỳ, do Xí nghiệp làm tốt công tác áp giá đối với khách hàng. Xí nghiệp nước sạch Triệu Hải đơn giá bình quân đạt so với kế hoạch, do khách hàng là Công ty TNHH Dệt may VTJ Toms tiêu thụ nước cho hoạt động sản xuất vật chất chiếm tỷ trọng lớn (18%).



Các đơn vị còn lại công tác áp giá chưa thực hiện quyết liệt, thiếu thường xuyên; các phòng ban chưa chủ động trong công tác kiểm soát việc áp giá, để kịp thời chấn chỉnh tại các đơn vị cấp nước.

### *2.7. Công tác chuyển đổi hình thức thanh toán tiền nước, sử dụng Zalo OA.*

Với tinh thần đổi mới, lấy năng suất chất lượng làm thước đo, khách hàng là trung tâm phục vụ. Công ty đã ứng dụng có hiệu quả công nghệ, áp dụng hình thức thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt qua các Ngân hàng và dịch vụ thu hộ. Đến nay, công ty đã liên kết với 06 ngân hàng và 05 đơn vị trung gian để triển khai dịch vụ thanh toán hóa đơn tiền nước. Hệ thống thanh toán đã đi vào hoạt động ổn định, tỷ lệ khách hàng thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt đạt kết quả tích cực từ 80,5% ( cuối năm 2022) tăng lên 91,1% (cuối năm 2023) vượt 1,2% so với mục tiêu đặt ra.

Đẩy mạnh ứng dụng Zalo OA nâng cao chất lượng phục vụ, tạo tính tương tác tốt hơn với khách hàng, đồng thời hướng tới hình thức gửi tin nhắn Thông báo tiền nước qua Zalo thay thế cho SMS nhằm giảm chi phí. Đến cuối năm 2023 có 79,6 % số khách hàng cài đặt thành công và sử dụng dịch vụ Zalo OA.

### **3. Chế độ chính sách đối với người lao động.**

Chế độ, chính sách và phúc lợi của người lao động được thể hiện trong Nội quy lao động, Quy chế lương, thưởng, Thỏa ước lao động tập thể... Cụ thể:

Đảm bảo 100% người lao động có việc làm ổn định với thu nhập bình quân 10,5 triệu đồng/ người/ tháng. Các chế độ chính sách như bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước với số tiền trích nộp năm 2023 là 5,2 tỷ đồng. Thực hiện chế độ làm việc, chế độ nghỉ phép, nghỉ việc riêng, nghỉ do ốm đau thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe, chế độ tai nạn lao động... theo đúng quy định của pháp luật với số tiền chi trả trên 770 triệu đồng. Chi cho CBCNV - NLĐ các ngày lễ, tết, tham gia các hoạt động phong trào, tình nguyện với số tiền trên 2,05 tỷ đồng.

- Trang cấp đầy đủ trang thiết bị, phương tiện, quần áo phòng hộ cho người lao động gồm: áo quần công sở, áo quần bảo hộ lao động; dụng cụ, thiết bị bảo vệ an toàn lao động.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và tầm soát bệnh nghề nghiệp hàng năm cho 248 người lao động.

- BCH Công đoàn hỗ trợ thăm, hỏi đoàn viên, thân nhân đoàn viên khó khăn, ốm đau, tổ chức CBCNV-NLĐ đi thăm quan, nghỉ dưỡng, tổ chức giải bóng đá mini, ngày Quốc tế phụ nữ, Phụ nữ việt nam, Quốc tế thiếu nhi, Tết Trung thu...



#### **4. Công tác đào tạo:**

Công ty luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có phẩm chất chính trị, chuyên môn, có khả năng điều hành và làm chủ thiết bị công nghệ cao, đội ngũ công nhân lành nghề và đội ngũ nhân viên có khả năng phục vụ khách hàng tốt. Năm 2023, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo, tự đào tạo, tập huấn cho CBCNV-NLĐ Công ty với các nội dung thiết thực và có tính ứng dụng cao trong công việc. Cá nhân tham gia các khóa đào tạo, tập huấn đều có bài thu hoạch và đề xuất ý tưởng ứng dụng vào thực tiễn hoạt động SXKD của Công ty như:

- Trao đổi kinh nghiệm, học tập các ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật và công nghệ sản xuất nước, về dịch vụ chăm sóc khách hàng tại công ty cấp nước Thừa Thiên Huế.

- Tập huấn hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý tài sản GIS.

- Tổ chức công tác hỗ trợ cho các đơn vị cấp nước trong công tác tự đào tạo về lĩnh vực vận hành, bảo dưỡng các thiết bị trạm bơm (máy bơm, động cơ và các thiết bị điện)

#### **III. NHỮNG TÒN TẠI, HẠN CHẾ:**

- Mối liên kết, phối hợp giữa các phòng ban, Xí nghiệp chưa thường xuyên, thiếu tích cực, chủ động trong xử lý các tình huống phát sinh để công việc có thể triển khai thông suốt.

- Các đơn vị chưa lập kế hoạch chi tiết, sát thực tế để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ SXKD. Các phòng ban chưa tham mưu cho Lãnh đạo công ty các giải pháp cụ thể để triển khai kế hoạch đã giao.

- Về công tác lập hồ sơ thiết kế, dự toán các công trình xây dựng: là khâu quan trọng quyết định đến chất lượng và chi phí xây dựng công trình tuy nhiên chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, còn thiếu tư duy ứng dụng thực tế, thiếu chiều sâu và yếu tố bền vững, lâu dài. Chưa gắn với mục tiêu và kế hoạch phát triển cấp nước.

- Về chất lượng lao động nhìn chung chỉ mới đáp ứng công việc được giao. Chất lượng công việc, tính chủ động và tác phong còn hạn chế, thiếu chuyên nghiệp. Vẫn còn trường hợp chưa xác định được vai trò, vị trí và trách nhiệm của mình; chưa bắt nhịp với xu hướng phát triển và yêu cầu ngày càng cao về khối lượng và chất lượng công việc; tư duy lối mòn, chủ nghĩa kinh nghiệm, ngại học hỏi, thiếu tự tin. Đặc biệt là việc tiếp cận và thực hiện quy trình sản xuất, điều hành với công nghệ mới, hiện đại còn chậm.

- Phần mềm GIS vừa làm vừa hoàn thiện. Công tác cập nhật GIS mất nhiều thời gian, chưa khai thác hiệu quả các tính năng.



## PHẦN II

### MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

#### I. MỤC TIÊU.

- Tập trung nguồn lực đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, phát triển khách hàng, tăng sản lượng, tăng doanh thu và phát huy hiệu quả việc đầu tư nâng công suất các nhà máy.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

- Công tác chống thất thu, thất thoát nước là khâu trọng tâm, cấp bách.

- Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất là khâu đột phá.

#### II. KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU SXKD TRỌNG YẾU.

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2023, định hướng chiến lược phát triển của công ty. HĐQT xác định các chỉ tiêu chủ yếu năm 2024 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	So với thực hiện năm 2023 (%)
1	Tổng Giá trị thực hiện	Tỷ đồng	222,0	136,7
	+ <i>Giá trị nước máy</i>	Tỷ đồng	180,3	137,0
	+ <i>XDCB &amp; LĐCN khác</i>	Tỷ đồng	41,7	135,4
2	Sản lượng nước máy hàng hóa	Triệu m <sup>3</sup>	16,3	103,8
3	Tỷ lệ thất thoát	%	≤ 20,2	-3,9
4	Đơn giá nước bình quân	Đồng/m <sup>3</sup>	11.058	
5	Phát triển hộ khách hàng	Hộ	2.040	102,3
6	Thay thế đồng hồ đến hạn	Cái	13.498	

#### III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

Để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2024, các phòng ban, đơn vị cần chủ động, bám sát mục tiêu nhiệm vụ được giao, tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau:

##### 1. Công tác quản lý điều hành:

- Tiếp tục nâng cao năng lực tổ chức, quản lý, điều hành của Công ty. Từng bước ứng dụng phương pháp quản trị tiên tiến. Cải thiện chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu. Thực hiện tốt công tác quản lý, quy hoạch, đào tạo sắp xếp cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp với các địa phương ký thoả thuận vùng cấp nước và xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn.

- Xây dựng các kịch bản ứng phó nhằm phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ, rủi ro gây mất an toàn cấp nước như hạn hán, lụt bão....



- Luôn cập nhật các thông tin để nắm bắt cơ hội tham gia đấu thầu các dự án có liên quan đến thi công công trình cấp nước hoặc các công trình thuộc lĩnh vực và chức năng hoạt động của công ty để tạo việc làm và mở rộng sản xuất, phát triển khách hàng sử dụng nước.

- Đổi mới tư duy, chủ động tiếp cận thị trường, phát huy sáng tạo để tập trung đầu tư phát triển sản phẩm dịch vụ.

- Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin vào quản trị doanh nghiệp, quản trị hệ thống cấp nước và quản lý khách hàng sử dụng nước.

- Thường xuyên kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT, các thông báo kết luận, chỉ đạo của Ban Giám đốc để phát hiện các tồn tại và đưa ra các giải pháp khắc phục kịp thời.

- Tăng cường sự phối kết hợp giữa các phòng, ban, đơn vị. Nâng cao chất lượng công tác tham mưu; thường xuyên hướng dẫn, đào tạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình, quy định.

- Rà soát và sửa đổi các quy trình liên quan đến công tác Quyết toán XDDB, sửa chữa lớn, CNAT theo hướng tinh giản thủ tục hồ sơ, giấy tờ nhưng vẫn đảm bảo đúng quy định; xác định rõ trách nhiệm; dễ kiểm tra giám sát.

- Điều chỉnh đơn giá khoán chi phí sản xuất đảm bảo thu nhập gắn liền với yêu cầu và kết quả công việc.

- Sửa đổi HĐDV khách hàng và đấu nối cấp nước. Rà soát hoàn thiện quy trình quản lý và chăm sóc khách hàng cho phù hợp, thống nhất, đồng bộ đáp ứng yêu cầu quản lý và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

- Tăng cường công tác trao đổi, học tập kinh nghiệm giữa các đơn vị trong ngành nước. Chủ động công tác đào tạo, tự đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển. Xây dựng cơ chế sắp xếp thay đổi vị trí làm việc linh hoạt hiệu quả, đúng trình độ, năng lực, sở trường.

## **2. Công tác sản xuất và kinh doanh nước sạch:**

- Duy trì công tác khai thác sản xuất cấp nước ổn định, an toàn liên tục với chất lượng nước và dịch vụ cấp nước tốt nhất; Nâng cao chất lượng nước đảm bảo theo quy chuẩn QCVN01-1:2018/BYT quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Khai thác tối đa, vận hành hiệu quả mạng lưới đường ống hiện có cũng như các Nhà máy mới đầu tư nâng công suất nhằm đáp ứng nhu cầu dùng nước của khách hàng.

- Làm tốt công tác tuyên truyền tới khách hàng để khách hàng luôn đồng hành với công ty trong hoạt động cấp nước.

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc thực hiện đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước các khu vực dân cư. Tăng cường công tác phát triển khách hàng ở các khu vực còn dư địa, tăng sản lượng nước cung cấp và tiêu thụ.



- Khai thác có hiệu quả các phần mềm GIS, SCADA để phục vụ công tác quản lý và quản trị sản xuất.

- Bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch đối với các máy bơm, thiết bị điện tử và các công trình xử lý nước tại các nhà máy sản xuất nước.

- Chủ động thực hiện các thủ tục, hồ sơ xin cấp phép khai thác nước, xả thải theo quy định của pháp luật tại các nhà máy đảm bảo việc khai thác nước và xả thải của công ty luôn tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.

### **3. Công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch:**

Tập trung rà soát điều chỉnh các giải pháp chống thất thu thất thoát phù hợp đảm bảo hạ tỷ lệ thất thoát mang tính bền vững, phấn đấu đến cuối năm 2024 tỷ lệ thất thoát giảm về dưới 20%, với các giải pháp chủ yếu sau:

- Việc kiểm soát mạng lưới, phân vùng tách mạng phải thực hiện thường xuyên, liên tục ngay từ đầu năm để kiểm soát, giảm thất thoát. Kết hợp dò tìm xác định khu vực thất thoát cao để xử lý kịp thời.

- Kiểm tra, đề xuất cải tạo, thay thế tuyến ống cũ, hư hỏng, kém chất lượng;

- Xác định rõ nhiệm vụ chống thất thoát, phân công cụ thể để thực hiện thường xuyên công tác dò tìm, xử lý thất thoát nước trên mạng đường ống.

- Thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa máy bơm, thiết bị trên tuyến (van, hồ van...) đảm bảo các thiết bị luôn hoạt động đúng tính năng, có hiệu quả; lắp đặt các thiết bị giám sát để kiểm soát áp lực, lưu lượng.

- Các phòng ban cần tăng cường kiểm soát việc áp giá theo đối tượng sử dụng để kịp thời xử lý theo đúng quy định.

- Chủ động phối hợp với các chủ đầu tư bên ngoài trong công tác đầu tư, cải tạo nâng cấp phát triển mạng lưới cấp nước. Nhất là trong công tác chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng đô thị.

### **4. Về triển khai thực hiện các dự án trọng điểm:**

4.1. Triển khai đầu tư Dự án Hệ thống cấp nước thị trấn Cửa Tùng và vùng phụ cận để cấp nước cho người dân thị trấn Cửa Tùng và các xã vùng ven, lấy nguồn từ Nhà máy nước Gio Linh, khai thác cuối tuyến ống HDPE D315 của dự án Hạ tầng khu tái định cư tại xã Trung Giang, Gio Linh.

4.2. Lập dự án đầu tư cấp nước khu vực Triệu An – Triệu Phong: Đầu tư cấp nước xã Triệu An trên cơ sở phù hợp với nguồn vốn ngân sách địa phương đồng thời có phương án cấp nước cho các khu vực lân cận dọc tuyến ống chuyên tải lấy nguồn từ NMN Tân Lương. Góp phần cải thiện khả năng cấp nước cho người dân xã Triệu Thuận, Triệu Độ, đồng thời mở rộng cấp nước khu vực Bồ Bản và 5 xã phía đông huyện Triệu Phong.



4.3. Nghiên cứu lập hồ sơ đầu tư Dự án Nhà máy nước Vĩnh Long để bổ sung cấp nước cho thị trấn Hồ Xá, Khu công nghiệp Tây Bắc và các xã vùng Đông Bắc Vĩnh Linh.

4.4. Khảo sát, đánh giá lập báo cáo đầu tư Nhà máy nước Trầm, NMN hồ Rào Quán theo quy hoạch cấp nước của tỉnh.

4.5. Nghiên cứu lập dự án đầu tư Hệ thống cấp nước khu vực Nam Đông, xã Gio Sơn và vùng phía Tây huyện Gio Linh.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và mục tiêu, kế hoạch năm 2024. Thay mặt Ban lãnh đạo công ty, tôi kêu gọi toàn thể CBCNV-NLĐ công ty tiếp tục phát huy truyền thống, khả năng và thế mạnh sẵn có, từ đó đưa ra các giải pháp tích cực, tăng cường đoàn kết, tiếp tục nỗ lực hơn nữa để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT; BKS (B/c);
- Ban Giám đốc công ty;
- Các Phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu KHKT, VT;



**Nguyễn Hà Hải**



**KẾT QUẢ SXKD NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023				Năm 2024	
		Kế hoạch (KH)	Thực hiện (TH)	Tỷ lệ % (TH/KH)	So với cùng kỳ (%)	Kế hoạch (KH)	So với thực hiện năm 2023 (%)
<b>I. TỔNG GIÁ TRỊ THỰC HIỆN</b>	<b>1.000đ</b>	<b>175.668.065</b>	<b>162.422.137</b>	<b>92,5</b>	<b>110,4</b>	<b>221.998.210</b>	<b>136,7</b>
- XN nước sạch Đông Hà	-	73.957.229	71.379.388	96,5	106,9	96.814.819	135,6
- XN nước sạch Bến Hải	-	20.246.813	19.763.694	97,6	105,9	24.910.067	126,0
- XN nước sạch Triệu Hải	-	25.593.540	25.253.757	98,7	110,1	33.928.246	134,3
- XN nước sạch Đường 9	-	29.620.935	28.379.153	95,8	102,2	39.048.630	137,6
- XN Xây Lắp	-	23.292.866	14.360.466	61,7	135,7	24.028.448	167,3
-TT Kiểm định đồng hồ và CTT	-	2.956.682	3.285.679	111,1	1.027	3.268.000	99,5
<b>II. CÔNG TÁC SẢN XUẤT NƯỚC</b>							
<b>1. Sản lượng nước sản xuất</b>	<b>m3</b>	<b>19.671.707</b>	<b>20.915.727</b>	<b>106,3</b>	<b>108,8</b>	<b>20.428.000</b>	<b>97,7</b>
- XN NS Đông Hà ( Tân Lương)	-	9.646.914	8.891.808	92,2	135,6	9.746.600	109,6
- XN nước sạch Bến Hải	-	3.002.367	4.718.895	157,2	81,7	3.267.100	69,2
+ Trạm Bến Quan, Hồ Xá, Gio Linh	-	2.402.367	2.945.597	122,6	116,7	2.667.100	90,5
+ Gio Linh cấp vào mạng Đông Hà	-	600.000	1.773.298	295,5	54,6	600.000	33,8
- XN nước sạch Triệu Hải	-	3.195.266	3.357.654	105,1	109,3	3.470.200	103,4
- XN nước sạch Đường 9	-	3.827.160	3.947.370	103,1	103,3	3.944.100	99,9
<b>2. Điện năng tiêu thụ</b>	<b>Kw/m3</b>			<b>Tăng/giảm</b>			
<b>Điện sản xuất</b>		<b>0,399</b>	<b>0,369</b>	<b>-0,03</b>		<b>0,36</b>	<b>-0,01</b>
- XN nước sạch Đông Hà	-	0,370	0,287	-0,08	79,83	0,29	0,00
- XN nước sạch Bến Hải	-	0,433	0,438	0,00	99,45	0,42	-0,02
- XN nước sạch Triệu Hải	-	0,323	0,356	0,03	101,79	0,38	0,02
- XN nước sạch Đường 9	-	0,466	0,482	0,02	98,40	0,46	-0,02
<b>Điện tăng áp</b>							
- XN NS Đông Hà (Sông+ Thuận Độ)	-		0,271			0,27	-0,01
- XN nước sạch Bến Hải (Gio Mai)	-		0,310			0,31	0,00
- XN nước sạch Triệu Hải (Ái Tử)	-		0,051			0,05	0,00
- XN nước sạch Đường 9	-		-				
<b>Điện sản xuất (Tham chiếu)</b>							
- XN nước sạch Đông Hà	-					0,337	
- XN nước sạch Bến Hải	-					0,589	



Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023				Năm 2024	
		Kế hoạch (KH)	Thực hiện (TH)	Tỷ lệ % (TH/KH)	So với cùng kỳ (%)	Kế hoạch (KH)	So với thực hiện năm 2023 (%)
- XN nước sạch Triệu Hải	-					0,473	
- XN nước sạch Đường 9	-					0,769	
<b>3. Tiêu hao hóa chất</b>							
<b>1. Clo Lỏng</b>	<b>g/m3</b>						
- XN nước sạch Đông Hà	-	1,23	1,08	87,8		1,10	
- XN nước sạch Bến Hải	-	0,82	0,60	72,7		0,69	
- XN nước sạch Triệu Hải	-	1,16	1,53	132,1		1,53	
- XN nước sạch Đường 9	-	1,41	1,38	97,7		1,30	
Clo bột	<b>g/m3</b>						
- XN nước sạch Đường 9	-	0,30	0,147	48,9		0,16	
<b>2. Bột PAC</b>	<b>g/m3</b>						
- XN nước sạch Đông Hà	-	4,20	3,01	71,7		2,92	
- XN nước sạch Bến Hải	-	1,35	2,36	174,5		0,17	
- XN nước sạch Triệu Hải	-	3,48	3,45	99,0		3,56	
- XN nước sạch Đường 9	-	10,28	10,74	104,4		11,33	
<b>3. Vôi</b>	<b>g/m3</b>						
- XN nước sạch Đông Hà	-	1,47	1,60	108,8		1,61	
- XN nước sạch Bến Hải	-	13,41	9,33	69,6		11,47	
- XN nước sạch Triệu Hải	-	2,04	1,44	70,7		1,78	
- XN nước sạch Đường 9	-	0,20	-	-		0,02	
<b>III. KINH DOANH NƯỚC SẠCH</b>							
<b>1. Doanh thu tiền nước</b>	<b>1.000đ</b>	<b>135.629.600</b>	<b>131.636.147</b>	<b>97,1</b>	<b>108,1</b>	<b>180.320.762</b>	<b>137,0</b>
- XN nước sạch Đông Hà	-	70.384.000	66.783.041	94,9	107,2	91.652.819	137,2
- XN nước sạch Bến Hải	-	17.092.600	17.071.047	99,9	109,1	23.346.067	136,8
- XN nước sạch Triệu Hải	-	22.950.000	22.843.632	99,5	112,4	30.776.246	134,7
- XN nước sạch Đường 9	-	25.203.000	24.938.427	99,0	106,3	34.545.630	138,5
<b>2. Sản lượng nước ghi thu</b>	<b>m3</b>	<b>16.130.000</b>	<b>15.713.739</b>	<b>97,4</b>	<b>107,5</b>	<b>16.307.600</b>	<b>103,8</b>
- XN nước sạch Đông Hà	-	8.300.000	7.922.399	95,5	107,0	8.173.800	103,2
- XN nước sạch Bến Hải	-	2.030.000	2.039.886	100,5	108,7	2.134.400	104,6
- XN nước sạch Triệu Hải	-	2.700.000	2.687.416	99,5	110,3	2.845.700	105,9
- XN nước sạch Đường 9	-	3.100.000	3.064.038	98,8	105,4	3.153.700	102,9



Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023				Năm 2024	
		Kế hoạch (KH)	Thực hiện (TH)	Tỷ lệ % (TH/KH)	So với cùng kỳ (%)	Kế hoạch (KH)	So với thực hiện năm 2023 (%)
<b>3. Đơn giá bình quân</b>	<b>đồng/m3</b>	<b>8.409</b>	<b>8.377</b>	<b>-31</b>	<b>51</b>	<b>11.058</b>	
				Tăng/giảm			
- XN nước sạch Đông Hà	-	8.480	8.430	-50	11	11.213	
- XN nước sạch Bến Hải	-	8.420	8.369	-51	32	10.938	
- XN nước sạch Triệu Hải	-	8.500	8.500	0	160	10.815	
- XN nước sạch Đường 9	-	8.130	8.139	9	65	10.954	
<b>IV. KHÁCH HÀNG PHÁT TRIỂN</b>	<b>Hộ</b>	<b>2.544</b>	<b>1.995</b>	<b>78,4</b>	<b>87,7</b>	<b>2.040</b>	<b>102,3</b>
- XN nước sạch Đông Hà	-	1.200	928	77,3	95,4	870	93,8
- XN nước sạch Bến Hải	-	300	221	73,7	75,4	270	122,2
- XN nước sạch Triệu Hải	-	544	378	69,5	73,4	450	119,0
- XN nước sạch Đường 9	-	500	468	93,6	94,5	450	96,2
<b>V. THAY THẾ ĐỒNG HỒ ĐÉN HẠ</b>	<b>Cái</b>	<b>14.872</b>	<b>15.310</b>	<b>102,9</b>	<b>120,7</b>	<b>13.498</b>	<b>88,2</b>
- XN nước sạch Đông Hà	-	7.021	8.086	115,2	182,1	6.586	81,4
- XN nước sạch Bến Hải	-	3.199	2.176	68,0	143,8	1.895	87,1
- XN nước sạch Triệu Hải	-	2.765	2.822	102,1	65,8	2.748	97,4
- XN nước sạch Đường 9	-	1.887	2.226	118,0	91,4	2.269	101,9
<b>VI. TỶ LỆ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT</b>	<b>%</b>	<b>90</b>	<b>91,1</b>	<b>101,2</b>	<b>116,1</b>	<b>93,0</b>	<b>1,9</b>
- XN nước sạch Đông Hà	-	95	94,7	99,7	109,4	97,0	2,3
- XN nước sạch Bến Hải	-	86	84,2	97,9	133,7	86,0	1,8
- XN nước sạch Triệu Hải	-	86	84,1	97,8	113,5	86,0	1,9
- XN nước sạch Đường 9	-	86	95,3	110,8	125,4	95,3	-
<b>VII. XDCB&amp;LĐCN</b>	<b>1.000đ</b>	<b>40.038.465</b>	<b>30.785.990</b>	<b>76,9</b>	<b>121,5</b>	<b>41.677.448</b>	<b>135,4</b>
- XN nước sạch Đông Hà	-	3.573.229	4.596.347	128,6	102,7	5.162.000	112,3
- XN nước sạch Bến Hải	-	3.154.213	2.692.647	85,4	89,1	1.564.000	58,1
- XN nước sạch Triệu Hải	-	2.643.540	2.410.125	91,2	92,2	3.152.000	130,8
- XN nước sạch Đường 9	-	4.417.935	3.440.726	77,9	79,7	4.503.000	130,9
- XN Xây Lắp	-	23.292.866	14.360.466	61,7	135,7	24.028.448	167,3
-TT Kiểm định đồng hồ và CTT	-	2.956.682	3.285.679	111,1	1027,0	3.268.000	99,5
<b>VIII. TỶ LỆ THÁT THOÁT</b>	<b>%</b>	<b>18,0</b>	<b>24,1</b>	<b>6,1</b>	<b>0,3</b>	<b>20,2</b>	<b>-3,9</b>
				Tăng/giảm			
- XN nước sạch Đông Hà	-	19,0	24,2	5,2	0,0	21,0	-3,2



Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023				Năm 2024	
		Kế hoạch (KH)	Thực hiện (TH)	Tỷ lệ % (TH/KH)	So với cùng kỳ (%)	Kế hoạch (KH)	So với thực hiện năm 2023 (%)
- XN nước sạch Bến Hải	-	15,5	30,7	15,2	5,0	20,0	-10,8
- XN nước sạch Triệu Hải	-	15,5	19,9	4,4	-0,8	18,0	-1,9
- XN nước sạch Đường 9	-	19,0	22,4	3,4	-1,5	20,0	-2,3